ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 248 /2004/QĐ-UB	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2004*

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Về giao chỉ tiêu biên chế quản lý hành chính năm 2004.
****

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;

- Căn cứ Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp và Thông tư số 89/2003/TT-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp Nhà nước ;

- Theo Quyết định số 1584/QĐ-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Bộ Nội vụ về giao chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2004 ;

- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 267/TTr-SNV ngày 07 tháng 9 năm 2004 ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay giao chỉ tiêu biên chế quản lý hành chính năm 2004 cho các sở-ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận-huyện theo biểu đính kèm.

Điều 2. Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được giao, Thủ trưởng các sở-ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện phân bổ ngay chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị trực thuộc, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện sắp xếp biên chế, tuyển dụng cán bộ công chức và cấp phát quỹ tiền lương, đảm bảo sử dụng chặt chẽ chỉ tiêu biên chế được giao, theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở-ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận : - Như điều 4 - Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính - Thường trực Thành ủy - Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố - Ủy ban nhân dân thành phố - Ban Tổ chức Thành ủy - Kho bạc Nhà nước thành phố - Sở Nội vụ (2b) - VPHĐ-UB : Các PVP - Các Tổ NCTH - Lưu (VX-Nh)	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ** **CHỦ TỊCH** **Lê Thanh Hải**

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2004 CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 248/2004/QĐ-UB
ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố)

****

	Biên chế thực hiện đến 31/12/2003	Chỉ tiêu giao năm 2004	Ghi chú
Tổng số biên chế (người)	7.158	7.480	
Khối Sở, Ban, ngành	3.182	3.335	
Khối quận-huyện	3.976	4.145	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Biểu số 1

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2004

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 248/2004/QĐ-UB
ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố)

*****

Đơn vị : người

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu được giao năm 2003	Thực hiện đến 31/12/2003				Đề nghị chỉ tiêu biên chế năm 2004
			Tổng số lao động thực tế có mặt	Số biên chế trong chỉ tiêu			
				Tổng số	Biên chế	HĐ trong chỉ tiêu biên chế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	**Khối Sở ngành**						
1	Văn phòng HĐND & UBND	155	155	120	106	14	150
2	Thường trực và các Ban HĐND						15
3	Văn phòng Tiếp công dân	16	24	14	11	3	18
4	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội	10	12	7	7		10
5	Thanh tra thành phố	100	97	85	77	8	100
6	Sở Nội vụ	40	41	36	36		55
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	135	139	117	107	10	140
8	Sở Khoa học và Công nghệ	61	58	47	40	7	61
9	Sở Tư pháp	60	65	55	54	1	74
	Phòng Công chứng Nhà nước số 1	35	38	24	22	2	35
	Phòng Công chứng Nhà nước số 2	30	41	19	17	2	30
	Phòng Công chứng Nhà nước số 3	12	15	11	10	1	20
	Phòng Công chứng Nhà nước số 4	25	37	21	16	5	25
	Phòng Công chứng Nhà nước số 5	25	32	12	10	2	25
10	Sở Tài chính	167	194	158	157	1	167
	Chi cục Tài chính doanh nghiệp	70	57	51	51		70
11	Sở Thể dục - Thể thao	53	56	50	41	9	70
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	125	126	106	95	11	130
13	Sở Văn hóa và Thông tin	105	114	95	92	3	136
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	110	120	112	103	9	130
15	Sở Y tế	90	80	69	69		90
16	Sở Công nghiệp	80	56	44	40	4	80
17	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	50	72	50	49	1	60
18	Sở Xây dựng	75	163	121	113	8	165
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	146	165	92	81	11	172
20	Sở Giao thông Công chánh	120	133	105	102	3	130
21	Sở Nông nghiệp và PTNT	55	52	41	40	1	59
	Chi cục Kiểm lâm	70	70	63	50	13	70
	Chi cục Bảo vệ thực vật	53	65	48	45	3	53
	Chi cục Phát triển nông thôn	19	22	14	12	2	24
22	Sở Thương mại	80	66	57	55	2	80
	Chi cục Quản lý thị trường TP	489	457	454	316	138	489
23	Sở Du lịch	38	43	36	36		38
24	Thường trực Hội đồng thi đua TP	10	11	10	9	1	10
25	Ủy ban về người Việt Nam ở NN	20	16	13	8	5	25

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
26	Ủy ban DS-GĐ và trẻ em	42	35	24	19	5	42
27	Ban Quản lý Khu Nam TP	35	40	35	33	2	60
28	Ban Đổi mới QLDN	6	7	7	7		10
29	Ban Quản lý Khu CNC	51	67	58	23	35	60
30	Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm	50	42	21	21		50
31	Ban Quản lý các KCX & CN	50	65	48	41	7	50
32	Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính	6	3	3	3		6
33	Ban Chỉ đạo NN & PTNT	6	5	4	3	1	6
34	Ủy ban phòng chống AIDS	7	14	5	5		10
35	BCĐ QHĐT-XD khu ĐT Tây Bắc	15	12	9	7	2	20
36	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao						15
	Cộng khối Sở ngành	**2.997**	**3.182**	**2.571**	**2.239**	**332**	**3.335**
II	**Khối Quận Huyện**						
1	Quận 1	122	191	147	103	44	180
2	Quận 2	110	147	98	96	2	160
3	Quận 3	122	133	133	111	22	170
4	Quận 4	119	106	97	76	21	165
5	Quận 5	122	203	122	105	17	175
6	Quận 6	122	141	99	91	8	175
7	Quận 7	110	107	91	81	10	160
8	Quận 8	125	172	154	136	18	185
9	Quận 9	110	155	102	82	20	160
10	Quận 10	122	197	135	104	31	170
11	Quận 11	122	157	141	119	22	175
12	Quận 12	110	126	99	95	4	160
13	Quận Bình Tân		147	86	55	31	170
14	Quận Bình Thạnh	140	142	122	115	7	200
15	Quận Gò Vấp	125	380	160	158	2	200
16	Quận Phú Nhuận	119	124	124	117	7	160
17	Quận Tân Bình	150	234	163	101	62	200
18	Quận Tân Phú		266	180	97	83	190
19	Quận Thủ Đức	110	150	113	84	29	160
20	Huyện Bình Chánh	130	168	146	66	80	175
21	Huyện Cần Giờ	110	132	121	100	21	155
22	Huyện Củ Chi	122	124	118	113	5	180
23	Huyện Hóc Môn	114	136	107	96	11	165
24	Huyện Nhà Bè	110	138	123	112	11	155
	Cộng khối Quận-Huyện	**2.646**	**3.976**	**2.981**	**2.413**	**568**	**4.145**
	Tổng cộng	**5.643**	**7.158**	**5.552**	**4.652**	**900**	**7.480**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ